



Họ tên: _____

Lớp: _____

Ngày: ____/____/2021

RÀ SOÁT KIẾN THỨC HỌC KỲ II**I. PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA****1. Nhân, chia nhẩm.**

$30 \times 8 = \underline{\hspace{2cm}}$

$80 \div 4 = \underline{\hspace{2cm}}$

$5 \times 600 = \underline{\hspace{2cm}}$

$200 \div 5 = \underline{\hspace{2cm}}$

2. Thực hiện phép nhân.

a) 76×4

b) 118×3

3. Thực hiện phép chia.

a)

$$\begin{array}{r} \boxed{} \boxed{} \\ 2 \overline{) 72} \\ \underline{} \\ \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} \boxed{} \boxed{} R \boxed{} \\ 4 \overline{) 189} \\ \underline{} \\ \end{array}$$
II. TÍNH GIÁ TRỊ BIỂU THỨC**4. Tính giá trị các biểu thức dưới đây.**

a) $4 \times (5 + 2) - 9$

b) $10 + 84 \div 4 + 2$

III. ĐO LƯỜNG**5. Tích vào ô trống trước câu trả lời đúng.**

a) Chiều dài của một chiếc ô tô là khoảng bao nhiêu?

☐ 4m☐ 4dm☐ 4cm☐ 4mm

b) Sức chứa của một chiếc bát là khoảng bao nhiêu?

☐ 400L☐ 4L☐ 400mL☐ 4mL

c) Một con mèo nặng khoảng bao nhiêu?

☐ 30kg☐ 3kg☐ 30g☐ 3g

d) Đơn vị nào tốt nhất dùng để đo chiều dài một chiếc bút chì?

☐ m☐ dm☐ cm☐ mm**6. Đổi đơn vị đo.**

a) $7L = \underline{\hspace{2cm}} mL$

b) $5m = \underline{\hspace{2cm}} mm$

c) $9kg = \underline{\hspace{2cm}} g$

IV. HÌNH HỌC

7. Nối tên hình với hình tương ứng



Hình ngũ giác

Hình lục giác

Hình tứ giác

Hình tam giác

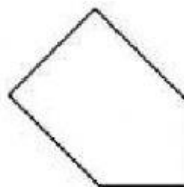
Điền vào chỗ trống cho thích hợp.

8.

Hình bên có:

- _____ cạnh.

- _____ góc vuông.



9.

Hình vuông có:

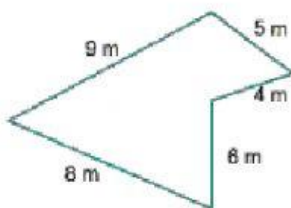
- 4 cạnh _____

- _____ góc vuông.

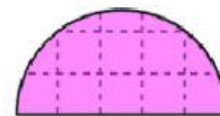


V. CHU VI – DIỆN TÍCH

10. Tính chu vi hình dưới đây.



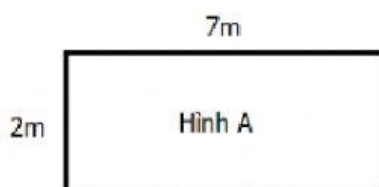
11. Ước lượng diện tích hình sau.



Hình trên bằng khoảng _____ đơn vị vuông

12. Quan sát hình, sau đó tính chu vi và diện tích mỗi hình.

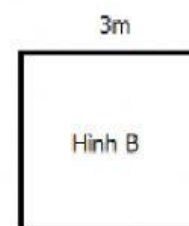
a)



Chu vi là _____

Diện tích là _____

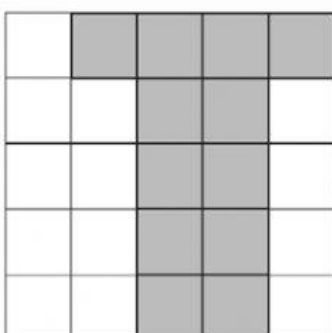
b)



Chu vi là _____

Diện tích là _____

13. Tính diện tích và chu vi của hình được tô đậm dưới đây.



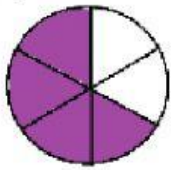
Chu vi của hình bên là: _____

Diện tích của hình bên là _____

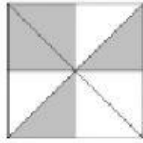
VI. PHÂN SỐ

14. Viết phân số chỉ số phần được tô đậm.

a)

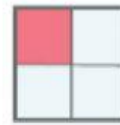


b)



15. Tích vào hình tương ứng với phân số đã cho.

$$\frac{1}{4}$$



VII. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

Giải các bài toán dưới đây.

16. Giá mỗi vé xem phim dành cho trẻ em là \$5; giá mỗi vé xem phim dành cho người lớn là \$7.

Hỏi nếu Nam mua 3 vé trẻ em và 5 vé người lớn thì số tiền bạn ấy phải trả là bao nhiêu?

17. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 20m, chiều rộng bằng một nửa chiều dài.



a. Chiều rộng của mảnh vườn là bao nhiêu?

☐ 10m

☐ 10m²
☐ 40m

☐ 40m²

b. Chu vi của mảnh vườn là bao nhiêu?

☐ 30m

☐ 30m²
☐ 60m

☐ 60m²

c. Diện tích của mảnh vườn là bao nhiêu?

☐ 200m

☐ 200m²
☐ 400m

☐ 400m²

18. Một hồ cát hình vuông có chu vi là 160dm. Tính độ dài cạnh của hồ cát.